TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/09/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn,con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em.

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXX- ST ngày 15 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* - Chị Chu C, sinh năm: 1974 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: Xóm Văn Hội, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

** Bị đơn:* - Anh Trần C1, sinh năm: 1965 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Chu C trình bày: Chị và anh Trần C1 xây dựng hôn nhân năm 2016. Có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Hai vợ chồng có 01 người con chung tên có 01 người con chung tên Trần Thị Mỹ Hiền, sinh ngày: 18/04/2007 hiện tại đang sống với chị, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Trần C1 cấp dưỡng nuôi con. Hai vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị là do hai vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dân đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại hai vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trần C1, yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh Trần

C1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có nên không yêu cầu.

Đối với bị đơn là anh Trần C1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng yêu cầu anh Trần C1 cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của anh Trần C1, nhưng anh Trần C1 không cung cấp, cũng không có ý kiến bằng văn bản là đã từ bỏ quyền lợi của mình thông qua việc không tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết .

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu C đối với anh Trần C1; Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Thị Mỹ Hiền, sinh ngày: 18/04/2007 cho chị Chu C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Chu C không yêu cầu, anh Trần C1 được quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Chu C và anh Trần C1; Bị đơn là anh Trần C1 ngụ tại địa chỉ huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa, chị Chu C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Trần C1 được Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu C và anh Trần C1 xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân giữa chị Chu C và anh Trần C1 là hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ. Chị Chu C cho rằng trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị Chu C và anh Trần C1 không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và hiện tại vợ chồng chị không còn chung sống với nhau; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Chu C và anh Trần C1 đã có xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu C đối với anh Trần C1.

[3] Về quan hệ con chung: chị Chu C và anh Trần C1 sống chung có 01 con chung tên Trần Thị Mỹ Hiền, sinh ngày: 18/04/2007, hiện đang ở với chị Chu C. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hiền đang ở ổn định với chị Chu C ổn định, mặt khác cháu Hiền cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên tiếp tục giao cháu Trần Thị Mỹ Hiền cho chị Chu C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần C1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Chu C không yêu cầu. Anh Trần C1 được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chu C xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Chu C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Huỳnh Lượng đối với chị Nguyễn Diễm My, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Huỳnh Lượng và chị Nguyễn Diễm My.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Triết, sinh ngày: 08/02/2012 và Nguyễn Khanh Duy, sinh ngày: 25/11/2013 cho anh Nguyễn Huỳnh Lượng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễm Diễm My không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Huỳnh Lượng không yêu cầu. Chị Nguyễn Diễm My được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở

3. Về án phí: Anh Nguyễn Huỳnh Lượng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Anh Nguyễn Huỳnh Lượng đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0011618 ngày 16/06/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nam